

Bản án số: 332/2023/DS-ST
Ngày 27 – 12 – 2023
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự.

Ông Nguyễn Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 539/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Hồng C, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K, sinh năm 1976 và chị Trần Hồng T, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà Trần Hồng C, thể hiện:*

Bà C tham gia 01 chung trong dây hội loại 2.000.000 đồng/tháng do anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T mở ngày 25/4/2022 âm lịch, gồm 37 chung; quá trình tham gia, bà C đóng được 11 lần thì đến ngày 25/02/2023 âm lịch (nhuận) anh K, chị T tuyên bố đình hội, sau đó anh K, chị T gửi trả được 04 lần với tổng số tiền 3.520.000 đồng thì không trả tiếp và thiếu lại số tiền 18.480.000 đồng. Do vậy, bà C khởi kiện yêu cầu anh K, chị T trả lại 18.480.000 đồng.

** Đối với anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T:* Mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của bà C và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà C và không tham gia hòa giải, xét xử.

XÉT THẤY:

[1] Anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[2] Theo danh sách hội và lời trình bày tại phiên tòa của bà Trần Hồng C, thể hiện: Bà C tham gia 01 phần trong dây hội loại 2.000.000 đồng/tháng do anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T mở vào ngày 25/4/2022 âm lịch, gồm 37 chung; sau khi đóng được 11 lần thì đình hội vào ngày 25/02/2023 âm lịch; sau đó anh K, chị T gửi trả 04 lần với tổng số tiền 3.520.000 đồng, còn thiếu lại 18.480.000 đồng. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh K, chị T không đưa ra ý kiến phản đối về những nội dung bà C đã khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà C về việc yêu cầu anh K cùng chị T có nghĩa vụ trả các khoản nợ, thấy rằng: Mặc dù, anh K xác định bản thân anh không liên quan gì đến vụ án nên không đồng ý nhận các văn bản tố tụng nhưng qua tài liệu, chứng cứ bà C cung cấp là danh sách hội thể hiện anh K cùng chị T đứng tên các giao dịch này; mặt khác, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh K, chị T nên anh K phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Do vậy, bà C khởi kiện yêu cầu anh K, chị T trả lại số tiền 18.480.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh K, chị T phải chịu là 924.000 đồng (18.480.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng C.

Buộc anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T phải trả cho bà C số tiền hụi còn lại là 18.480.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng anh K, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T phải chịu 924.000 đồng (chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) (chưa nộp).

- Bà Trần Hồng C không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà C số tiền 462.000 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0000419 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn